

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 24/2008/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Nuôi trồng thủy sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Nuôi trồng thủy sản là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước chuyên ngành và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Cục Nuôi trồng thủy sản có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục đặt tại thành phố Hà Nội và bộ phận thường trực tại phía Nam.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ dự thảo dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ và các dự án, đề án theo sự phân công của Bộ trưởng. Trình Bộ trưởng dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng.

2. Trình Bộ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm và hàng năm; các chiến lược, quy hoạch vùng trọng điểm, liên vùng, liên tỉnh và các chương trình, dự án, công trình quan trọng thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành các văn bản cá biệt, quy định nội bộ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực do Cục chịu trách nhiệm và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành, lĩnh vực theo phân công của Bộ trưởng. Thông báo kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, đề án, dự án do Bộ quản lý cho từng địa phương, đơn vị sau khi được Bộ phê duyệt kế hoạch tổng thể về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

4. Trình Bộ công bố chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế-kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Về nuôi trồng thủy sản:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chế quản lý và phân cấp quản lý vùng/cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn;

b) Ban hành quy trình, quy phạm nuôi trồng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản theo uỷ quyền của Bộ trưởng;

c) Chỉ đạo triển khai áp dụng các hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản;

d) Hướng dẫn thực hiện và tổ chức kiểm tra, giám sát, công nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản theo quy định để đảm bảo an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản;

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý việc cho thuê, gia hạn, thu hồi đất, mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý giống thủy sản:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách, chương trình phát triển giống thủy sản; danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu; các danh mục khác về giống thủy sản theo quy định của pháp luật;

b) Trình Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản, quy chế quản lý giống, hệ thống giống thủy sản, đăng ký giống quốc gia và công nhận giống mới;

c) Quy định quy trình, quy phạm, kỹ thuật, công nghệ về giống thủy sản; danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh; xuất nhập khẩu giống thủy sản, di giống, thuần hoá giống, bảo tồn, chọn tạo giống, điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản; tiêu chí về quy mô trại sản xuất giống thủy sản theo uỷ quyền của Bộ trưởng;

d) Chỉ đạo thực hiện chương trình giống thủy sản. Quản lý chất lượng giống thủy sản và các hoạt động kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống; khảo nghiệm và đề xuất công nhận giống thủy sản mới;

đ) Cấp, thu hồi giấy chứng nhận điều kiện sản xuất, kinh doanh vùng/cơ sở sản xuất giống; tinh, trứng, phôi giống vật nuôi thủy sản; giấy phép nhập khẩu giống thủy sản lần đầu chưa qua khảo nghiệm; giấy chứng nhận về sản xuất kinh doanh giống thủy sản theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

7. Quản lý thức ăn, chế phẩm sinh học và vật tư thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản:

a) Trình Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn, chất phụ gia, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản; quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn nuôi trồng thủy sản;

b) Ban hành danh mục thức ăn nuôi trồng thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu; danh mục chế phẩm sinh học cấm sử dụng, hạn chế sử dụng trong nuôi trồng thủy sản; quy trình khảo nghiệm thức ăn, nguyên liệu chế biến thức ăn và chất phụ gia; quy chế quản lý các chế phẩm sinh học (gồm chế phẩm không phải

là thuốc, chế phẩm diệt tạp, xử lý đáy hồ, ao, đầm nuôi) dùng trong nuôi trồng thủy sản theo quỹ quyền của Bộ trưởng;

c) Quản lý và tổ chức kiểm nghiệm, khảo nghiệm thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học và vật tư thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản;

d) Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh thức ăn; chất lượng thức ăn, nguyên liệu chế biến thức ăn và chất phụ gia; chất lượng chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản;

đ) Phối hợp, theo dõi kiểm định chất lượng sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản;

e) Cấp và thu hồi giấy phép xuất nhập khẩu thức ăn, nguyên liệu chế biến thức ăn và chất phụ gia; chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản; vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ nuôi trồng thủy sản chưa được khảo nghiệm, kiểm nghiệm; giấy chứng nhận sản xuất kinh doanh thức ăn, chế phẩm sinh học và vật tư thiết bị chuyên dùng theo quy định.

8. Quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Trình Bộ quy chế quản lý hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước cho nuôi trồng thủy sản, môi trường vùng sản xuất giống, thức ăn, chế phẩm sinh học và nuôi trồng thủy sản; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng trong xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện;

b) Giám sát, kiểm tra, đánh giá điều kiện, chất lượng môi trường ở vùng/cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống, sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học; đề xuất giải pháp xử lý nguồn nước cấp, nước thải và cải tạo môi trường ao nuôi; quản lý, chỉ đạo việc quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản theo chương trình, kế hoạch;

c) Kiểm tra và tổ chức chỉ đạo phòng, trừ bệnh thủy sản;

d) Chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy hoạch, dự án đầu tư phát triển giống và nuôi trồng thủy sản.

9. Chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện kế hoạch nuôi trồng thủy sản hàng vụ, hàng năm và nhiều năm;

b) Chỉ đạo xây dựng, kiểm tra thực hiện quy hoạch phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo an toàn;

c) Chỉ đạo mùa vụ, đối tượng và cơ cấu nuôi trồng, điều hoà giống, quy trình kỹ thuật sản xuất, thu hoạch; phối hợp điều phối nước phục vụ nuôi trồng; chỉ đạo phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt trong sản xuất nuôi trồng thủy sản;

c) Tổng kết và nhân rộng các mô hình tiên tiến trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

10. Trình Bộ danh mục các chương trình, dự án đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản. Chủ trì thẩm định và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư Bộ giao cho Cục.

11. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về sản xuất nuôi trồng thủy sản theo quy định.